

Bản án số: 93/2020/HSST
Ngày 28/ 11/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q, TỈNH Q

- Th phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Tuấn Anh.

Các hội thẩm nhân dân:

1, Bà **Nguyễn Thị Tuyết Bắc**

2, Ông **Đàm Chí Thân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Lan** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Q tham gia phiên tòa: Ông **Dương Văn Phúc** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Q mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 101/2020/HSST ngày 10 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2020/QĐXXST ngày 16 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **VŨ VĂN TH** (không có tên gọi khác); Sinh ngày 11 tháng 02 năm 1960. Tại Q, Q; Nơi cư trú: Thôn 2, xã L, thị xã Q, tỉnh Q; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 04/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Vũ Văn L (đã chết); Con bà Nguyễn Thị Nh - 80 tuổi; Có vợ là Ngô Thị G; Có 05 con, con lớn nhất sinh năm 1985, con nhỏ nhất sinh năm 1994: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị áp dụng “*Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú*”. Hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:** Ông **Bùi Văn B**, sinh năm 1968

Nơi cư trú: Khu 5, phường Ph, thị xã Q, tỉnh Q.

*** Người làm chứng:**

1. Anh **Vũ Văn Tr (tức Ph)**, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Thôn 2, xã L, thị xã Q - Q. Có mặt.

2. Anh **Vũ Văn Quang**, sinh năm 2001.

Nơi cư trú: Khu 5, phường Ph, thị xã Q - Q. Vắng mặt.

3. Anh **Ngô Văn T**, sinh năm 1970.
Nơi cư trú: Khu 5, phường Ph, thị xã Q - Q. Vắng mặt.
4. Chị **Bùi Thị Ngọc A**, sinh năm 1997.
Nơi cư trú: Khu 5, phường Ph, thị xã Q - Q. Có mặt.
5. Anh **Vũ Văn S**, sinh năm 1990.
Nơi cư trú: Khu 5, phường Ph, thị xã Q - Q. Vắng mặt.
6. Anh **Bùi Văn S**, sinh năm 2001.
Nơi cư trú: Khu 5, phường Ph, thị xã Q - Q. Vắng mặt.
7. Anh **Vũ Văn Th**, sinh năm 1968.
Nơi cư trú: Khu 5, phường Ph, thị xã Q - Q. Có mặt.
8. Chị **Vũ Thị Th**, sinh năm 1998.
Nơi cư trú: Khu 5, phường Ph, thị xã Q - Q. Vắng mặt.
9. Chị **Vũ Thị Th**, sinh năm 1971.
Nơi cư trú: Khu 5, phường Ph, thị xã Q - Q. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do mâu thuẫn trong sinh hoạt từ trước giữa gia đình ông Bùi Văn B, ông Ngô Văn T với gia đình ông Vũ Văn Th đều trú tại khu 5, phường Ph, thị xã Q - Q và gia đình Vũ Văn Th, nên khoảng 15 giờ 00 phút ngày 08/7/2020 giữa con ông Ba là Bùi Văn S và con của Th là Vũ Văn S có xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau, vụ việc đã được Công an phường Ph giải quyết hòa giải xong. Sau khi Th biết sự việc và nhìn thấy anh S đang đi từ trong ngõ nhà mình ra đường thì chặn hỏi anh S nguyên nhân chửi anh S, thấy vậy anh S bỏ chạy vào nhà ông T thì Th nhặt mảnh ngói đuổi theo ném anh S nhưng không trúng và không gây thiệt hại cho gia đình ông T. Khoảng 19 giờ cùng ngày, anh Vũ Văn Q (con ông Th), Vũ Văn Tr (Ph) (con của Th) đang ở nhà của Th thì nhận tin về việc con rể ông B là Nguyễn Văn L đang chửi nhau với ông Th. Biết được tin, Th bảo anh Q trở Th và anh Tr về khu 5, phường Ph, thị xã Q. Khi đi đến gần cầu C, Th bảo anh Q dừng xe lại, Th xuống xe nhặt một viên gạch đất nung kích thước khoảng (10x10x05)cm, sau đó anh Q trở Th và anh Tr đi đến gần nhà ông T thì phát hiện ông Bùi Văn B đang đứng ở ngoài đường nên đã cầm viên gạch ném ông B, thấy vậy ông B cúi người để tránh thì viên gạch trúng vào lưng gây thương tích. Tiếp đó Th và ông B lao vào đánh nhau bằng chân tay không thì được mọi người can ngăn.

Giấy chứng nhận thương tích ngày 10/7/2020 xác nhận: Ông Bùi Văn B vào viện hồi 21 giờ ngày 08/7/2020, có vết thương vùng lưng phải có vết xây sát da kích thước (05x05)cm.

Kết luận giám định số 419 ngày 30/7/2020 của Trung tâm giám định phát y - Sở y tế tỉnh Q, kết luận: Chấn thương gây kín cung sau xương sườn X bên phải, xương đang can, không di lệch. Tổn hại 02% sức khỏe. Chấn thương vùng lưng gây kín sườn X bên phải do vật tày tác động trực tiếp gây lên.

Bản cáo trạng số 102/CT-VKSQY, ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Q truy tố bị cáo Vũ Văn Th về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm luận tội như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Vũ Văn Th phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Văn Th từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã L, thị xã Q giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- 06 (sáu) mảnh gạch vỡ có kích thước lần lượt là: (21 x 0,5 x 0,3)cm; (13,5 x 11,5 x 6,5)cm; (13 x 7 x 5)cm; (10 x 3 x 4)cm; (9,8 x 6 x 4)cm; (9 x 3 x 4)cm, không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra ông Bùi Văn B yêu cầu bị cáo Th phải bồi thường toàn bộ viện phí, chi phí điều trị là 9.600.000 đồng và hai tháng tiền thuê người làm thay công việc đánh bắt hải sản là 20.000.000 đồng, tổng số tiền là 29.600.000 đồng, nhưng bị cáo chưa bồi thường. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông Bùi Văn B thay đổi yêu cầu: Yêu cầu bị cáo Th bồi thường số tiền viện phí là 7.543.000 đồng, tiền mất thu nhập trong 10 ngày nằm viện là 3.000.000 đồng và tiền tổn thất tinh thần là 10.000.000 đồng. Tổng số tiền là 20.543.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận số tiền yêu cầu bồi thường của bị hại từ 15.543.000 đồng đến 20.543.000 đồng.

- Bị cáo Vũ Văn Th thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt Bị cáo không đồng ý bồi thường số tiền do bị hại yêu cầu vì bị cáo cho rằng thương tích của bị hại là nhẹ và yêu cầu như trên là quá cao mà chỉ chấp nhận bồi thường chi phí thuốc men điều trị thương tích cho bị hại.

- Bị hại là ông Bùi Văn B có lời khai phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của bị cáo và những người làm chứng. Ông B giữ nguyên yêu cầu khởi tố, yêu cầu Hội đồng xét xử, xử bị cáo theo đúng quy định của pháp luật. Ông B không đồng ý việc bị cáo chỉ bồi thường số tiền điều trị thương tích 7.543.000 đồng.

- Người làm chứng là anh Vũ Văn Tr, chị Bùi Thị Ngọc A và anh Vũ Văn Th trình bày lời khai xác định bị cáo là người gây thương tích cho bị hại. Lời khai của người làm chứng phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của bị cáo và các chứng cứ có trong hồ sơ.

Tại phần tranh luận, bị cáo Vũ Văn Th cho rằng mức án mà Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q đề nghị là nặng và số tiền đề nghị bồi thường cho bị hại là nhiều so với hành vi của bị cáo đã gây ra. Bị cáo thừa nhận việc truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, không bị oan sai.

Bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Mức đề nghị về hình phạt và bồi thường của Viện kiểm sát là hoàn toàn phù hợp.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, với lời khai của Bị hại và những người làm chứng, với vật chứng bị thu giữ, kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 19 giờ ngày 08/7/2020, tại khu 5, phường Ph, thị xã Q, tỉnh Q, Vũ Văn Th đã có hành vi dùng một viên gạch đất nung ném vào lưng ông Bùi Văn B gây thương tích, làm ông B bị tổn hại 2% sức khỏe.

[3] Từ những chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận hành vi của Vũ Văn Th đã phạm vào tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự, như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q đã quy kết đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Điều 134 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a)..., Dùng hung khí nguy hiểm”

Bị cáo Vũ Văn Th là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc cố ý gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự xã hội tại địa phương. Do đó, cần phải có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để cải tạo bị cáo trở Th công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, cũng cần phải xem xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ Th khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bản thân bị cáo đã có thời gian tham gia dân công hỏa tuyến được Bộ tư lệnh quân khu 3 cấp giấy chứng nhận. Nên, cần thiết cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại ông Bùi Văn B yêu cầu bị cáo bồi thường các khoản như sau:

+ Tiền viện phí là 7.543.000 đồng

+ Tiền mất thu nhập 10 ngày điều trị là 3.000.000 đồng.

+ Tiền tổn thất tinh thần là 10.000.000 đồng.

Tổng cộng là 20.543.000 đồng.

Xét yêu cầu của bị hại: Tiền viện phí 7.543.000 đồng có hóa đơn chứng từ là chi phí hợp lý nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tiền mất thu nhập trong 10 ngày điều trị là 3.000.000 đồng không có hóa đơn chứng từ nhưng là chi phí hợp lý nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tiền tổn thất tinh thần là 10.000.000 đồng, xét thấy bị hại bị tổn hại 2% sức khỏe nên chỉ Hội đồng xét xử chấp nhận số tiền tổn thất tinh thần là 5.000.000 đồng. Do đó, buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại tổng số tiền là 15.543.000 đồng.

[6] Về vật chứng:

- 06 (sáu) mảnh gạch vỡ có kích thước lần lượt là: (21 x 0,5 x 0,3)cm; (13,5 x 11,5 x 6,5)cm; (13 x 7 x 5)cm; (10 x 3 x 4)cm; (9,8 x 6 x 4)cm; (9 x 3 x 4)cm, không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

[7] Đối với anh Vũ Văn Tr (Ph), Vũ Văn Q không có sự bàn bạc với Th và không biết Th nhặt gạch cầm theo nhằm mục đích đi đánh ông B nên không đồng phạm với Th về hành vi gây thương tích cho ông B nên không đề cập xử lý.

[8] Về án phí:

Buộc bị cáo Vũ Văn Th phải nộp án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình phạt: Tuyên bố bị cáo **Vũ Văn Th** phạm tội: “**Cố ý gây thương tích**”.

Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Vũ Văn Th** 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Vũ Văn Th cho Ủy ban nhân dân xã L, thị xã Q, tỉnh Q cùng gia đình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” của Tòa án nhân dân thị xã Q đối với bị cáo Vũ Văn Th.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự và các Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 590 của Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Vũ Văn Th phải bồi thường cho bị hại ông Bùi Văn B các khoản thiệt hại, tổng cộng là 15.543.000 đồng (mười năm triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

** Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.*

** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

3. Về vật chứng:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 06 (sáu) mảnh gạch vỡ có kích thước lần lượt là: (21 x 0,5 x 0,3)cm; (13,5 x 11,5 x 6,5)cm; (13 x 7 x 5)cm; (10 x 3 x 4)cm; (9,8 x 6 x 4)cm; (9 x 3 x 4)cm,

(Tình trạng vật chứng trên thể hiện trong Biên bản giao nhận vật chứng lập vào hồi 09 giờ 00 phút, ngày 11/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Q).

4. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Buộc bị cáo Vũ Văn Th phải nộp 200.000 đ (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 777.000 đồng (bảy trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Q;
- VKSND thị xã Q;
- Công an thị xã Q;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS TX Q;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Phan Tuấn Anh